

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DSST

Ngày: 26-3-2024

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- THnh phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Lê Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Hoàng Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Trương X, sinh năm 1963; vắng mặt

- Bà Tô Thị H, sinh năm 1959; vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn TS, xã TS, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Thành C, sinh năm 1990, có mặt

Trú tại: Khố C, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: - Ông Đinh Văn H, sinh năm 1970; có mặt

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1969; có mặt.

Cùng trú tại: Thôn TS, xã TS, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương X, bà Tô Thị H cũng như người đại diện theo uỷ quyền anh Phạm Thành C đều thống nhất trình bày:

Trước năm 1995, ông X, bà H được UBND xã TS, Hội nông dân và Ban lâm nghiệp xã Tân Sơn giao đất rừng sản xuất diện tích 350.656 m² tại Động BB, xã TS, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Sau đó, gia đình ông kêu gọi thêm một số người nữa, thành lập tổ liên gia cùng trồng cây và ăn chia tiền sau khi thu hoạch. Những người này chỉ có quyền lợi đối với cây trồng trên đất mà không có quyền lợi gì đối với thửa đất này. Gia đình ông X sử dụng diện tích đất này ổn định, không tranh chấp với ai. Năm 1995, gia đình ông X được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp lâm bạ xanh và đến ngày 21/02/2006 thì được cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 804504 mang tên Trương X, Tô Thị H với diện tích 350.656 m², thửa 17140.02.287 tờ bản đồ số 2 (Bản đồ lâm nghiệp), tại Động Bb, xã Ts, huyện QL.

Ông Đinh Văn H được Ban quản lý rừng phòng hộ Yên Thành giao khoán đất liền kề với thửa đất của gia đình ông X được cấp. Do có vị trí giáp ranh về phía Tây Nam, nên ông H bà H đã có Hành vi lấn chiếm sang phần đất của ông X được giao, có kích thước: Phía Đông Bắc giáp đất rừng ông X được giao dài khoảng 250 m; Phía Đông Nam giáp đất rừng của ông X 130 m; Phía Tây Nam giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ Yên Thành dài khoảng 130 m; Phía Tây Bắc giáp đất số 286, tờ bản đồ số 02 địa giới Hành chính của UBND xã TS dài khoảng 130 m.

Quá trình làm việc tại Ủy ban nhân dân xã TS, tổ công tác xã Tân Sơn đã phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Yên Thành tiến hành xác định ranh giới trên thực địa, kết luận ông H đã canh tác lấn sang phần đất của ông X. Hai bên đã thương lượng nhiều lần, nhưng sau đó ông H bà H vẫn không thực hiện trả đất cho gia đình ông. Tại phiên tòa ông X, bà H yêu cầu ông H bà H giao trả lại toàn bộ diện tích lấn chiếm của gia đình ông 37.773,2 m² đất rừng. Do cây ông H bà H chưa đến tuổi thu hoạch nên ông X bà H đồng ý mua lại toàn bộ cây trên diện tích đất tranh chấp với giá mà hội đồng định giá đã định giá là 151.092.080đ.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H thống nhất trình bày:

Năm 2002, vợ chồng ông H bà H có khai Hng thêm một phần diện tích đất rừng khoảng hơn 3 ha, liền kề với phần diện tích vợ chồng ông H được giao khoán (đây là phần diện tích hiện nay đang tranh chấp). Mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này nhưng thực tế, ông H bà H đã khai

Hng và sử dụng sản xuất thu hoạch ổn định từ năm 2002 đến năm 2022 mới xảy ra tranh chấp. Khi hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã TS, ông H bà H mới phát hiện phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông X bà H.

Quá trình sử dụng đất từ năm 2006 đến năm 2022, ông X bà H đã nhiều lần có đơn giải quyết đất lấn chiếm với ông Nguyễn Văn L, với Công ty Lâm nghiệp Yên Thành, đã có quá trình rà soát đất nhưng ông X bà H lại không yêu cầu ông H bà H trả lại đất mà đến bây giờ mới có đơn khởi kiện là không hợp lý. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đất rừng 37.773,2 m² thì ông H bà H không đồng ý, vì gia đình ông đã canh tác sử dụng từ năm 2002, trong khi đó đến năm 2006 thì ông X bà H mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó ông H bà H cũng có yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD804504 cấp ngày 21/02/2006 cho ông Trương X và bà Tô Thị H. Đồng thời, đề nghị đưa Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TS: Diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa đất 17140.02.287 tờ bản đồ số 2 (bản đồ lâm nghiệp) tại Động BB, xã TS, huyện QL được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương X và bà Tô Thị H. Phần đất tranh chấp ông H bà H canh tác sử dụng từ năm 2002. Khi giao đất cho ông X bà H thì giao theo bản đồ lâm bạ.

Năm 2022, UBND xã giải quyết tranh chấp; kết luận buộc anh H trả lại phần đất sử dụng chồng lấn lên diện tích đất đã cấp cho ông X.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Thửa đất số 17140.02.287 tờ bản đồ số 2 (bản đồ lâm nghiệp) diện tích 350.656 m² tại Động BB, xã TS, huyện QL, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trương X và bà Tô Thị H. Phần đất tranh chấp có diện tích 37.773,2 m², có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất của ông H được giao dài 243,3m (các cạnh 34,52+26,45+26,94+12,01+13,25+9,06+16,22+10,37+8,19+14,46+20,19+7,85+28,92+13,45+3,42 m); Phía Đông giáp phần đất ông X được giao dài 231,48m (các cạnh 44,26m + 105,66m + 81,56m); Phía Nam giáp phần đất ông X được giao dài 166,71m; Phía Tây giáp đất huyện Yên THnh dài 168,75m (các cạnh 14,23+22,56+13,68+41,42+32,79+44,07m). Diện tích đất tranh chấp có giá trị 100.000.000đồng/ ha x 37.773,2 m² = 377.730.200 đồng. Trên diện tích đất đang tranh chấp có cây keo do ông H trồng từ tháng 5 năm 2022 đến nay trị giá 40.000.000đ/ha x 37.773,2 m² = 151.092.080đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H phải trả lại cho ông Trương X, bà Tô Thị H diện tích đất rừng 37.773,2 m² tại thửa 17140.02.287 tờ bản đồ số 2 (bản đồ lâm nghiệp) diện tích 350.656 m² thuộc Động BB, xã TS, huyện QL, tỉnh Nghệ An, có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất của ông H được giao dài 243,3m (các cạnh 34,52+26,45+26,94+12,01+13,25+9,06+16,22+10,37+8,19+14,46+20,19+7,85+28,92+13,45+3,42 m); Phía Đông giáp phần đất ông X được giao dài 231,48m (các cạnh 44,26m + 105,66m + 81,56m); Phía Nam giáp phần đất ông X được giao dài 166,71m; Phía Tây giáp đất huyện Yên Thành dài 168,75m (các cạnh 14,23+22,56+13,68+41,42+32,79+44,07m).

Giao toàn bộ diện tích cây trồng trên phần đất tranh chấp cho ông Trương X và bà Tô Thị H nhưng buộc ông X, bà H pH trả cho ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H số tiền là 151.092.080đ.

Về án phí: Buộc ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H có nơi cư trú tại xã TS, huyện QL và đối tượng tranh chấp trong vụ án là bất động sản (gồm quyền sử dụng đất tại xã TS, huyện QL) nên Tòa án nơi bị đơn cư trú và nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng: Ông Trương X và bà Tô Thị H khởi kiện ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H trả lại tài sản là quyền sử dụng đất do sử dụng trái phép theo Điều 166 Bộ luật dân sự, phần diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác

định là “Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt: Các ông bà Trương Văn U, Nguyễn Thị L, Tô Thị M, Hồ Bá X, Hồ Thị T, Hồ Công H, Nguyễn Thị H, Hồ Thị L, Bùi Linh Đ, Nguyễn Thị S là những người làm ăn chung với ông Trương X bà Tô Thị H đã có văn bản đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì phần đất tranh chấp không liên quan gì đến họ; do đó Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng và căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Ủy ban nhân dân xã TS giao thửa đất 17140.02.287 tại Động Bãi Bẩn cho ông Trương X, bà Tô Thị H sử dụng canh tác từ trước năm 1995. Mặc dù khi giao đất diện tích cụ thể không ghi rõ nhưng giao theo bản đồ lâm nghiệp và được cấp lâm bạ xanh mang tên Trương X vào năm 1995. Quá trình sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai nên đến năm 2006 phần đất này được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trương X và bà Tô Thị H. Hình thể và vị trí đất, diện tích đất tại thời điểm cấp lâm bạ xanh không thay đổi so với thời điểm cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2]. Về quá trình sử dụng đất: Theo tài liệu có trong hồ sơ cho thấy toàn bộ thửa đất 17140.02.287 tại Động BB, xã TS thuộc địa giới hành chính huyện QL, không thuộc quản lý của ban quản lý rừng phòng hộ Yên Thành. Quá trình giải quyết vụ án ông H cũng thừa nhận phần đất đang tranh chấp liền kề thửa 286 của ông được giao và phần đất hiện đang tranh chấp do vợ chồng ông mới khai hoang, không phải được giao từ đầu. Đến khi ông X có đơn gửi ra UBND xã TS, ông mới biết phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X.

Hơn nữa tại biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã TS đã xác định lại ranh giới quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông X. Quá trình làm việc tại cấp cơ sở cho thấy, Tổ công tác Ủy ban nhân dân xã TS phối hợp cùng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Yên Thành và các hộ liên quan đã tiến hành xác minh trên thực địa ranh giới đất rừng, xác định ông H đã có hành vi trồng keo lấn sang phần đất của ông X. Do đó không có cơ sở xác định phần đất này là của ông H bà H.

Ông H cho rằng ông đã khai hoang, canh tác phần đất này liên tục từ năm 2002 đến nay, không tranh chấp với ai; ông X đã nhiều lần yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đối với thửa này, nhưng không biết việc ông canh tác sử dụng đất này là không đúng.

Tuy nhiên qua điều tra xác minh cho thấy, việc canh tác sử dụng thửa đất gồm nhiều người, diện tích đất rừng rộng, sau khi phát hiện ông H canh tác trên đất của mình từ năm 2022 thì ông X đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại đất nhưng ông H không thực hiện.

[2.3]. Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quá trình giải quyết vụ án cho thấy diện tích đất rừng của ông X bà H được cấp đổi từ lâm bạ xanh sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003. Việc quản lý thửa đất nằm trên phần địa giới Hnh chính huyện Quỳnh Lưu, không nằm trên phần đất thuộc ban quản lý rừng phòng hộ Yên Thành quản lý. Hình thể và vị trí đất khi được giao cấp lâm bạ xanh cho ông X đến khi cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thay đổi. Đồng thời, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Ban quản lý rừng phòng hộ Yên Thành cũng như các hộ dân liền kề đến nay không ai có ý kiến, khiếu nại gì. Vì vậy, có căn cứ xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương X là đúng quy định. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông X bà H về việc buộc ông H, bà H trả lại diện tích đất 37.773,2 m² tại thửa 17140.02.287 tờ bản đồ số 2 (bản đồ lâm nghiệp) tại Động BB, xã TS, huyện QL, tỉnh Nghệ An

[2.4]. Về yêu mua lại cây trên phần đất tranh chấp:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 22 tháng 8 năm 2023 thì các đương sự thừa nhận phần diện tích cây keo trồng trên toàn bộ phần đất tranh chấp là tài sản của ông H, bà H. Do bị đơn ông H, bà H sử dụng, chiếm hữu tài sản là quyền sử dụng đất tranh chấp trong vụ án không có căn cứ pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự nên cần buộc ông H, bà H pH chặt bỏ toàn bộ cây keo trồng từ tháng 5 năm 2022 trên phần đất tranh chấp có giá trị 40.000.000đồng/ha.

Nhưng tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có nguyện vọng mua lại diện tích cây trồng trên phần đất tranh chấp, do cây mới trồng được 02 năm chưa đến tuổi thu hoạch.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, mua lại cây bị đơn trồng trên diện tích đất của nguyên đơn để tránh thiệt hại cho bị đơn là phù hợp và có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị đưa Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều

106 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thủ tục Hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất quyết định hành chính cá biệt; cơ quan tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Cho nên khi giải quyết về vấn đề này thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy do việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương X, bà Tô Thị H là đúng quy định về trình tự thủ tục và nội dung cấp đất nên không cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân huyện vào tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cũng đã yêu cầu anh Đinh Văn H cung cấp tài liệu liên quan đến yêu cầu hủy quyết định cá biệt nhưng anh H không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh anh H có quyền yêu cầu hủy quyết định cá biệt nên Tòa án không xem xét yêu cầu này.

[4] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: Nguyên đơn ông Trương X và bà Tô Thị H tự nguyện chịu nộp và không có yêu cầu gì thêm đối với khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115, 155, khoản 2 Điều 165, Điều 166, Bộ luật dân sự; Điều 49, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 106, Điều 166 và Điều 170 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương X và bà Tô Thị H.

2.2. Buộc ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H phải trả lại cho ông Trương X và bà Tô Thị H diện tích đất 37.773,2 m² tại thửa đất 17140.02.287 tờ bản đồ số 2 (bản đồ lâm nghiệp), thuộc Động BB, xã TS, huyện QL, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 804504 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp

ngày 21 tháng 02 năm 2006 cho ông Trương X và bà Tô Thị H, có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất của ông H được giao dài 243,3m (các cạnh 34,52+26,45+26,94+12,01+13,25+9,06+16,22+10,37+8,19+14,46+20,19+7,85+28,92+13,45+3,42 m); Phía Đông giáp phần đất ông X được giao dài 231,48m (các cạnh 44,26m + 105,66m + 81,56m); Phía Nam giáp phần đất ông X được giao dài 166,71m; Phía Tây giáp đất huyện Yên Thành dài 168,75m (các cạnh 14,23+22,56+13,68+41,42+32,79+44,07m).

2.3. Giao toàn bộ diện tích cây trồng trên phần đất tranh chấp (37.773,2 m²) cho ông Trương X và bà Tô Thị H nhưng buộc ông Trương X, bà Tô Thị H pH trả cho ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H số tiền là 151.092.080đ.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

4. Án phí: Ông Đinh Văn H và bà Trương Thị H pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 7.554.600 đồng án phí tài sản. Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Điều 146, khoản 4 điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không thuộc trường hợp hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS.

Trần Ngọc Hà